

KYOCERA Client Tool

Hướng dẫn sử dụng



Thông báo Pháp lý

Nghiêm cấm sao chép toàn bộ hoặc một phần của tài liệu hướng dẫn này.

Thông tin có trong hướng dẫn này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh từ việc sử dụng sản phẩm này, cho dù có thông tin trong đây.

Về thương hiệu

Microsoft Windows là thương hiệu đã được đăng ký của Tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Tất cả các nhãn hiệu và tên sản phẩm trong tài liệu này là các thương hiệu đã đăng ký hoặc thương hiệu của công ty tương ứng.

Ví dụ về các thao tác có trong hướng dẫn này hỗ trợ môi trường in của Microsoft Windows 7. Về cơ bản cùng thao tác đó được sử dụng cho môi trường Microsoft Windows Vista, Windows XP, Windows Server 2003, Windows Server 2003 R2, Windows Server 2008 và Windows Server 2008 R2.

Mục lục

Chương 1 Cài đặt

Cài đặt KYOCERA Client Tool	1-1
-----------------------------------	-----

Chương 2 KYOCERA Client Tool

Danh sách thiết bị	2-1
In	2-1
Tùy chọn	2-1
Thuộc tính	2-1
Thiết bị	2-2
Cấu hình	2-2
Đặt trước	2-9
Tài liệu	2-12
Khởi động lại thiết bị	2-12
Mặc định xuất xưởng	2-12
Scan	2-12
Tùy chọn	2-12
Cài đặt scan nhanh	2-12
Scan ra PDF	2-13
Scan ra E-mail	2-13
Scan ra Thư mục	2-13
FAX	2-13
Tùy chọn	2-13
Thuộc tính	2-14
Sổ Địa chỉ	2-14
Bảo trì	2-16
Trình đơn Bảo trì	2-16
KYOCERA Net Viewer	2-18
Đặt mục	2-18
Kyocera trực tuyến	2-18
Tải xuống trình điều khiển	2-18
Trạng thái thiết bị	2-19
Tab nguồn cung cấp	2-19
Tab tổng quan thiết bị	2-19
Giới thiệu về	2-19

1 Cài đặt

KYOCERA Client Tool truy cập nhanh các tính năng và cài đặt của thiết bị thông thường cùng với trạng thái hiện tại của toàn bộ các thiết bị được hỗ trợ.

Trong cửa sổ trình cài đặt, bạn có thể cài đặt, nâng cấp hoặc gỡ cài đặt trình điều khiển máy in. Phải cài đặt ít nhất một trình điều khiển máy in (GX hoặc XPS) cùng với KYOCERA Client Tool.

Ghi chú: Ở hệ điều hành Windows, bạn phải đăng nhập bằng quyền quản trị viên để cài đặt KYOCERA Client Tool.

Cài đặt KYOCERA Client Tool

Phần này mô tả quá trình cài đặt KYOCERA Client Tool cho kết nối USB hoặc kết nối mạng trong các hệ điều hành Windows.

KYOCERA Client Tool được cài đặt tự động trong suốt quá trình cài đặt nhanh. Để cài đặt riêng KYOCERA Client Tool, hãy làm theo các bước sau:

- 1 Chèn đĩa **Thư viện sản phẩm** vào ổ đĩa. Ứng dụng trình cài đặt sẽ tự động bắt đầu.

Ghi chú: Nếu trình cài đặt không thể khởi chạy sau khi chèn vào trong ổ đĩa, hãy sử dụng Windows Explorer để xác định vị trí của **Setup.exe** trong ổ đĩa trên máy và nhấp đúp để mở.

- 2 Xem thỏa thuận về bản quyền và nhấp vào **Chấp nhận** để tiếp tục.
- 3 Nhấp **Cài đặt tùy chỉnh**.
- 4 Trong **Tiện ích**, chọn **KYOCERA Client Tool**.
- 5 Nhấp nút mũi tên để chuyển **KYOCERA Client Tool** sang danh sách **Các sản phẩm sẽ cài đặt**.
- 6 Bạn có thể bấm **Chỉnh sửa** để mở hộp thoại **Các thuộc tính KYOCERA Client Tool**. Hãy gõ địa chỉ email và địa chỉ web để đặt mục. Những địa chỉ này sẽ xuất hiện trong hộp thoại **Đặt mục** được truy cập từ tab **Bảo trì**.

Ghi chú: Bạn cũng có thể chọn và cài đặt các thiết bị, trình điều khiển máy in và KYOCERA Net Viewer. Các thiết bị này có thể được sử dụng cùng với KYOCERA Client Tool.

- 7 Nếu bạn muốn gỡ bỏ một mục khỏi danh sách **Các sản phẩm sẽ cài đặt**, hãy chọn mục đó và nhấp vào **Gỡ bỏ**. Nếu muốn gỡ bỏ toàn bộ các mục, hãy nhấp **Gỡ bỏ tất cả**.

- 8 Kiểm tra lại các lựa chọn của bạn. Nếu toàn bộ các lựa chọn của bạn là chính xác, hãy nhấp vào **Cài đặt**.
- 9 Bạn có thể mở rộng hoặc thu nhỏ chi tiết cài đặt bằng cách nhấp vào biểu tượng mũi tên. Khi quá trình cài đặt hoàn tất thành công, nhấp vào **Hoàn thành** để thoát khỏi ứng dụng cài đặt.

Một thông báo có thể xuất hiện nếu có sự cố trong khi cài đặt phần mềm. Nhấp vào **Hoàn thành** và thử cài đặt lại. Nếu cùng một thông báo đó lại xuất hiện, hãy liên hệ quản trị viên hệ thống của bạn.

Quá trình cài đặt tiện ích lúc này đã hoàn thành. Nếu được nhắc, hãy khởi động lại máy tính.

2 KYOCERA Client Tool

KYOCERA Client Tool truy cập nhanh các tính năng và cài đặt của thiết bị thông thường cùng với trạng thái hiện tại của toàn bộ các thiết bị được hỗ trợ. Bạn cũng có thể sử dụng KYOCERA Client Tool để đặt mực, tải xuống trình điều khiển máy in, thực hiện công việc bảo trì cơ bản và xem tài liệu của máy in. Đối với kiểu máy MFP, cài đặt scan và FAX khả dụng. Có thể cài đặt KYOCERA Client Tool từ CD Thư viện Sản phẩm.

Các lựa chọn có thể thay đổi tùy theo kiểu máy hệ thống in.

Để mở KYOCERA Client Tool, nhấp **Bắt đầu > Tất cả Chương trình > Kyocera > Client Tool > KYOCERA Client Tool**.

Danh sách thiết bị

Danh sách ở trên cùng hộp thoại **KYOCERA Client Tool** bao gồm toàn bộ các thiết bị được hỗ trợ được cài đặt trong máy tính của bạn. Bạn có thể chọn một thiết bị từ danh sách này để xem các thuộc tính của nó và chọn những tùy chọn có sẵn, như cấu hình, bảo trì và tải xuống trình điều khiển.

Chỉ có các thiết bị kết nối với một cổng USB hoặc tiêu chuẩn TCP / IP cổng xuất hiện trong danh sách.



Tab **In** cho bạn truy cập các tùy chọn in và thuộc tính trình điều khiển thiết bị. Nhấp **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính** để mở cài đặt.

Để xem trợ giúp trong các hộp chọn **Tùy chỉnh** hoặc **Thuộc tính**, hãy nhấn **F1** trên bàn phím. Bạn cũng có thể nhấp nút chấm hỏi ở góc trên bên phải và sau đó nhấp vào bất kỳ tính năng nào trong hộp chọn để mở chủ đề trợ giúp liên quan đến tính năng đó.

Tùy chọn



Mở hộp thoại **Tùy chọn In** cho thiết bị được chọn. Các cài đặt mặc định cho trình điều khiển máy in sẽ áp dụng cho mọi lệnh in, nhưng những cài đặt này sẽ bị thay thế bởi những thay đổi về cài đặt được thực hiện trong ứng dụng được sử dụng để gửi lệnh in.

Để xem trợ giúp trong **Tùy chọn In**, nhấn **F1** trên bàn phím hoặc nhấp vào biểu tượng dấu hỏi chấm ở góc trên bên phải và nhấp lại vào hộp thoại.

Thuộc tính



Mở hộp thoại **Thuộc tính** cho thiết bị được chọn. Trong **Cài đặt Thiết bị**, bạn có thể chọn các cài đặt **Người quản trị**, **Người dùng**, và **Độ tương thích**.

Để xem trợ giúp trong **Cài đặt Thiết bị**, nhấn **F1** trên bàn phím hoặc nhấp vào biểu tượng dấu hỏi chấm ở góc trên bên phải và nhấp lại vào hộp thoại.

Thiết bị

Tab **Thiết bị** cho phép bạn thay đổi cài đặt cấu hình và xem tài liệu cho thiết bị. Bạn cũng có thể khởi động lại một thiết bị và khôi phục cài đặt mặc định khi xuất xưởng của thiết bị.

Cấu hình

Mở hộp thoại **Cấu hình** cho thiết bị được chọn. Bạn có thể xem và thay đổi các tùy chọn **Mặc định của thiết bị**, **Sao chép**, **FAX**, **Liên lạc**, **Bẫy SNMP**, và **Màn hình Trạng thái** cho toàn bộ các thiết bị được hỗ trợ được nối với mạng của bạn. Các lựa chọn có thể thay đổi tùy theo kiểu máy hệ thống in.

Mặc định của thiết bị

Trong **Cấu hình > Mặc định của thiết bị**, bạn có thể chọn các tùy chọn nguồn, đơn vị tính (inch/cm), tự động xóa lỗi cũng như khổ và loại giấy.

Bộ định giờ tắt nguồn

Lựa chọn khoảng thời gian trước khi thiết bị tự động tắt khi không được sử dụng (từ 1 đến 12 giờ, hoặc từ 1 ngày đến 1 tuần).

Tắt nguồn khi

Chọn một hoặc nhiều loại kết nối để thiết bị tự động tắt.

Tự động ngủ

Đặt bộ đặt giờ ngủ cho thiết bị chuyển sang chế độ ngủ khi không được sử dụng (từ 1 đến 240 phút).

Chế độ yên lặng

Hãy chọn hộp chọn này để giảm tiếng ồn của máy in bằng cách giảm tốc độ in.

Đơn vị

Chọn số inch hoặc milimet là đơn vị đo cho khổ giấy, hình chìm, áp phích và cài đặt lề trong trình điều khiển máy in.

Độ đậm in

Chọn độ đậm cho đầu ra mực cho các lệnh in, từ **Nhạt** đến **Đậm**.

Tùy chọn bảng điều khiển

Mở hộp thoại **Tùy chọn Bảng điều khiển**, để chọn cài đặt mặc định cho bảng điều khiển. Bạn có thể đặt màn hình và ngôn ngữ mặc định. Bạn cũng có thể chọn **Đặt lại bảng điều khiển** để đặt khoảng thời gian làm mới bảng điều khiển. Nhập hoặc chọn thời gian trong khoảng từ 5 đến 495 giây.

Tự động xóa lỗi

Chọn hộp chọn để bật tính năng này. Xác định khoảng thời gian trước khi các lỗi thiết bị được xóa khi thiết bị không được sử dụng (từ 5 đến 495 giây).

Tạo hết giờ nạp

Xác định khoảng thời gian trước khi trang cuối cùng tự động in khi dữ liệu in kết thúc mà không có thông in cuối trang (từ 5 đến 495 giây).

Khổ giấy

Chọn khổ giấy mặc định. Bạn có thể chọn **Khổ tùy chỉnh** để tạo khổ giấy tùy chỉnh. Đối với một số kiểu máy, bạn cũng có thể chọn cài đặt **Khổ gốc** và **Hình ảnh gốc**.

Kích cỡ gốc

Kích cỡ của tài liệu gốc được đặt trên trục cuộn.

Ảnh gốc

Ảnh là văn bản, ảnh hoặc kết hợp văn bản và ảnh.

Loại phương tiện

Chọn loại phương tiện mặc định.

Tên tùy chỉnh

Nhập tên cho 1-8 loại phương tiện Tùy chỉnh khi chọn loại phương tiện tùy chỉnh.

Trọng lượng giấy

Chọn trọng lượng giấy cho loại phương tiện đã chọn, từ **Nhẹ** đến **Nặng 3**.

In hai mặt

Chọn để cho phép in hai mặt cho 1-8 loại phương tiện Tùy chỉnh khi chọn một loại phương tiện tùy chỉnh. Tính năng này không khả dụng cho một số mẫu.

Lưu

Bấm **Lưu** sẽ lưu thay đổi cho **Tên tùy chỉnh**, **Độ rộng giấy**, và **Hai mặt** của **Loại Phương tiện** được chọn hiện tại. Bấm **Lưu** sẽ cam kết cài đặt đối với **Loại Phương tiện** được chọn nội bộ với KYOCERA Client Tool. Nếu bạn chọn **Loại Phương tiện** khác mà không bấm **Lưu**, những thay đổi đã thực hiện đối với **Loại Phương tiện** sẽ bị hủy bỏ. Dùng **Lưu**, có thể cấu hình nhiều loại phương tiện trước khi bấm **Áp dụng** hoặc **OK**. Toàn bộ cài đặt sẽ được gửi tới máy in chỉ sau khi bạn bấm **Áp dụng**, để mở hộp thoại, hoặc **OK**, sẽ đóng hộp thoại lại.

Tạo khổ giấy tùy chỉnh

Để dùng các khổ giấy tùy chỉnh, bạn phải lập và thêm các khổ giấy đó vào danh sách **Khổ giấy** trong **Cấu hình > Mặc định thiết bị**.

- 1** Trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**, hãy chọn một thiết bị từ danh sách.
- 2** Nhấp **Thiết bị > Cấu hình**, sau đó chọn tab **Mặc định thiết bị**.
- 3** Trong danh sách **Khổ giấy**, hãy chọn **Khổ giấy tùy chỉnh**.
- 4** Trong hộp thoại **Khổ giấy tùy chỉnh**, gõ hoặc chọn các giá trị cho chiều rộng và chiều cao. Nếu giá trị chiều cao hoặc rộng vượt quá giới hạn cho phép, máy sẽ tự động điều chỉnh theo giới hạn sau khi bạn nhấp **OK**.
- 5** Nhấp **OK** để đóng hộp thoại **Khổ giấy tùy chỉnh**.

Sao chép

Trong **Cấu hình > Sao chép**, bạn có thể đặt cài đặt chất lượng, bố cục và đóng cho bản sao.

Sắp xếp

Chỉ định thứ tự theo đó các trang của lệnh in nhiều bản sao được in ra. Với Sắp xếp được chọn, lệnh in hoàn chỉnh được in theo từng bộ một. Với Sắp xếp không được chọn, nó sẽ in từng trang một theo bộ.

Hướng giấy

Chọn từ các tùy chọn cạnh sẵn có cho hướng giấy dọc hoặc ngang.

EcoPrint

Chọn **EcoPrint** để thay đổi độ bão hòa mực trong lệnh in, làm cho toàn bộ hình ảnh in, bao gồm cả văn bản và đồ họa, sáng hơn.

Kết hợp

Dưới phần Bố cục, hãy chọn hướng các trang đi ra đối với 2 trang trên một tờ hoặc 4 trang 1 tờ.

Thu phóng

Chọn tỷ lệ giữa hình ảnh được scan và bản in. 100% in hình ảnh ở kích thước gốc. Tự động thay đổi kích thước hình ảnh để vừa với trang in.

Đóng khi in xong

Đặt hướng đóng cho sao chép hai mặt. Chọn **Bên trái/Bên phải** để đóng ở cạnh dài hoặc **Trên** để đóng ở cạnh ngắn.

Độ đậm

Chọn độ đậm của bản in, từ **-3** (nhạt hơn) đến **+3** (đậm hơn).

FAX

Trong **Cấu hình > FAX**, bạn có thể đặt cài đặt truyền, nhận và chuyển tiếp cho bản fax.

Truyền (TX)

Tên và **Số** là một phần của TTI (Nhận dạng Đường Truyền) về thiết bị gửi được in trên bản fax nhận được bởi thiết bị nhận.

Tên

Nhập tên của bản FAX, tối đa 32 ký tự.

Số

Nhập số điện thoại của người gửi FAX.

Tốc độ khởi động TX

Hãy chọn tốc độ TX, từ 33,6 Kbp đến 9,6 Kbp. Thông thường bạn nên để những thông số này mặc định. Nếu điều kiện liên lạc kém, hãy đặt tốc độ thấp hơn.

ECM TX (Chế độ Chữa Lỗi)

Phát hiện lỗi khi gửi đến một thiết bị khác hỗ trợ ECM. Việc này ngăn chặn hình ảnh bị hỏng do điều kiện liên lạc kém. Nếu xuất hiện lỗi, máy gửi sẽ truyền lại dữ liệu này. Nếu tốc độ truyền chậm, hãy xóa hộp kiểm tra.

Tùy chọn scan

Mở hộp thoại **Tùy chọn Scan và In** để thực hiện các tùy chọn scan và in.

Mã Đường Truyền (TTI)

Hãy chọn có bao gồm thông tin truyền trong bản FAX nhận được có thể bao gồm ngày, giờ và số lượng trang đã gửi, tên công ty và số FAX gửi đi.

Điều khiển âm lượng

Mở hộp thoại **Âm lượng**, để chọn loa và theo dõi âm lượng.

Chế độ quay số

Chọn loại đường dây điện thoại của kết nối. Tùy chọn khác nhau tùy theo quốc gia.

Số lần thử lại

Nhập hoặc chọn số lần thử gửi bản FAX, tối đa 14 lần. Số lần tối đa có thể khác nhau tùy theo quốc gia.

Nhận (RX)

Ngày và giờ RX

Chọn hộp chọn để thêm thông tin nhận vào mỗi trang của bản FAX nhận được. Thông tin này bao gồm ngày và giờ, tên người gửi và số trang.

Tùy chọn in

Mở hộp thoại **Tùy chọn Scan và In** để thực hiện các tùy chọn scan và in.

Tốc độ khởi động TX

Hãy chọn tốc độ RX, từ 33,6 Kbp đến 9,6 Kbp. Thông thường bạn nên để những thông số này mặc định. Nếu điều kiện liên lạc kém, hãy đặt tốc độ thấp hơn.

ECM RX

Phát hiện lỗi khi nhận bản FAX từ một thiết bị khác hỗ trợ ECM. Việc này ngăn chặn hình ảnh bị hỏng do điều kiện liên lạc kém. Nếu xuất hiện lỗi, máy gửi sẽ truyền lại dữ liệu này. Nếu tốc độ truyền chậm, hãy xóa hộp kiểm tra.

Số lần đổ chuông

Nhập hoặc chọn số lần điện thoại đổ chuông trước khi trả lời điện thoại, tối đa 15 lần. Tùy chọn khác nhau tùy theo quốc gia.

Chuyển tiếp

Chuyển tiếp

Chọn để cho phép chuyển tiếp bản FAX, và sau đó chọn cài đặt chuyển tiếp.

Số FAX

Nhập số điện thoại để chuyển tiếp hình ảnh đã nhận tới người nhận khác.

Tốc độ khởi động TX

Đối với chuyển tiếp FAX, hãy chọn tốc độ TX (truyền), từ 33,6 Kbp đến 9,6 Kbp. Trong điều kiện liên lạc kém, hãy chọn tốc độ thấp hơn.

ECM

Phát hiện lỗi khi gửi đến một thiết bị khác hỗ trợ ECM. Việc này ngăn chặn hình ảnh bị hỏng do điều kiện liên lạc kém. Nếu xuất hiện lỗi, máy gửi sẽ truyền lại dữ liệu này. Nếu tốc độ truyền chậm, hãy xóa hộp kiểm tra.

Cài đặt thời gian chuyển tiếp

Chọn một thời gian để chuyển tiếp. Chọn **Luôn bật** để chuyển tiếp bất kỳ lúc nào, hoặc chọn **Đặt lịch** và đặt thời gian bắt đầu và kết thúc.

In

Chọn để in khi chuyển tiếp FAX

Thông báo

Thông báo

Mở hộp thoại **Thông báo FAX**, để chọn tùy chọn thông báo.

Chọn các tùy chọn Scan và In

Bạn có thể chọn các tùy chọn độ phân giải, độ đậm và in hai mặt cho scan và in.

- 1 Trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**, hãy chọn một thiết bị từ danh sách.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Cấu hình**, sau đó chọn tab **FAX**.
- 3 Bấm **Tùy chọn scan** hoặc **Tùy chọn in**.
- 4 Trong hộp thoại **Các tùy chọn Scan và In**, hãy chọn độ phân giải mong đợi của FAX từ **200 x 100 dpi Bình thường** đến **200 x 400 dpi Siêu mịn**.
- 5 Chọn độ đậm của bản scan FAX, từ **-3** (nhạt hơn) đến **+3** (đậm hơn).
- 6 Chọn liệu có in trên cả hai mặt giấy.
- 7 Bấm **OK**.

Chọn Âm Lượng

Bạn có thể chọn loa và theo dõi âm lượng.

- 1 Trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**, hãy chọn một thiết bị từ danh sách.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Cấu hình**, sau đó chọn tab **FAX**.
- 3 Bấm **Điều chỉnh âm lượng**.
- 4 Trong hộp thoại **Âm lượng**, hãy chọn âm lượng mong muốn:
Loa
Nhập hoặc chọn âm lượng của loa cài sẵn khi đường dây được kết nối bằng cách nhấn **Gác máy**.
Màn hình
Nhập hoặc chọn âm lượng của loa cài sẵn khi đường dây được kết nối bằng cách nhấn **Gác máy**, chẳng hạn như trong việc truyền bộ nhớ.
- 5 Bấm **OK**.

Chọn Thông báo FAX

Bạn có thể chọn tùy chọn thông báo để gửi và nhận bản fax và cho báo cáo FAX.

- 1 Trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**, hãy chọn một thiết bị từ danh sách.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Cấu hình**, sau đó chọn tab **FAX**.
- 3 Bấm **Thông báo**.
- 4 Trong hộp thoại **Thông báo FAX**, trong **Truyền (TX)** hãy chọn **Thông báo** để in thông báo nếu FAX được gửi thành công:

Bật

In thông báo cho mọi hoạt động FAX.

Chỉ lỗi

Chỉ in thông báo cho lỗi.

Tắt

Không in thông báo.

Gửi kèm sao chép TX

Chọn để bao gồm hình ảnh của bản FAX trong thông báo.

Báo cáo TX

Chọn để in chi tiết của 50 lần truyền FAX gần đây nhất.

- 5** Dưới **Nhận (RX)**, hãy chọn **Thông báo** để in thông báo nếu FAX được nhận thành công:

Bật

In thông báo cho mọi hoạt động FAX.

Chỉ lỗi

Chỉ in thông báo cho lỗi.

Tắt

Không in thông báo.

Báo cáo RX

Chọn để in chi tiết của 50 lần nhận FAX gần đây nhất.

- 6** Bấm **OK**.

Giao tiếp

Trong **Cấu hình > Giao tiếp**, bạn có thể xem và chỉnh sửa tên máy chủ, các cài đặt TCP/IP và các cài đặt SNMP được dùng cho giao tiếp thiết bị.

Tên máy chủ

Nhập tên máy chủ của thiết bị.

Giao diện LAN

Chọn loại giao diện LAN được cài đặt trên thiết bị.

Bạn cũng có thể chọn các hộp chọn có sẵn cho loại cổng mà thiết bị sử dụng cho giao tiếp: cài đặt LPD, cổng Raw, in WSD.

TCP/IP

Xóa hộp chọn cho giao thức DHCP. Nhập địa chỉ IP, mặt nạ mạng con, và các giá trị cửa ngõ mặc định.

SNMP

Giao thức SNMP được dùng để cung cấp và truyền thông tin quản lý trong môi trường mạng con. **Nhóm đọc** và **Nhóm viết** có thể có tới 16 ký tự.

Nhóm mặc định là **công cộng**. Nếu máy tính không được kết nối, bạn vẫn có thể gõ các cài đặt **Độc tên công cộng** và **Ghi tên công cộng**. Gõ thông tin **sysContact**, **sysName**, và **sysLocation** tới 32 ký tự. Chọn **Cho phép xác thực** để kích hoạt xác thực thiết bị.

Bẫy SNMP

Trong **Cấu hình > Bẫy SNMP**, bạn có thể chọn cài đặt bẫy SNMP cho các địa chỉ IP 1 hoặc 2. Khi xuất hiện lỗi như **Thêm giấy**, thiết bị sẽ tự động tạo ra một bẫy. Bẫy sẽ gửi thông báo lỗi đến một hoặc hai người nhận lỗi được xác định trước. Máy chủ bẫy là trình nhận gói bẫy SNMP chạy trên ứng dụng này. Nhóm mặc định là **công cộng**.

Đối với mỗi địa chỉ IP, chọn hộp chọn **Người nhận Bẫy 1** hoặc **Người nhận Bẫy 2**, gõ tên và địa chỉ IP của nhóm bẫy, và chọn các sự kiện có sẵn.

Màn hình Trạng thái

Trong **Cấu hình > Màn hình trạng thái**, bạn có thể chọn các cài đặt cảnh báo mức độ mực và thông báo sự kiện. Màn hình trạng thái hiển thị các thông báo về trạng thái của thiết bị ở góc bên phải phía dưới của màn hình.

Đặt cảnh báo mức độ mực

Chọn và tạo cảnh báo khi mực bắt đầu cạn, và sau đó chọn phần trăm từ 0 đến 100. Nếu mức độ mực thấp hơn phần trăm này, sẽ xuất hiện một biểu tượng cảnh báo trong tab **Cung cấp** trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**.

Cho phép thông báo sự kiện

Chọn để kích hoạt tính năng thông báo cho các sự kiện thiết bị được chọn. Khi được chọn, các tùy chọn thông báo sẽ sẵn có.

Cho phép thông báo nổi lên

Khi được chọn, thông báo nổi lên sẽ xuất hiện ở góc dưới bên phải của màn hình cho mỗi sự kiện được chọn khi sự kiện đó xuất hiện.

Các sự kiện

Chọn một hoặc nhiều sự kiện cho thông báo này.

Tập tin âm thanh

Khi có một hoặc nhiều sự kiện được chọn, hãy chọn kích hoạt thông báo âm thanh. Nhập vị trí của tập tin âm thanh (.WAV) hoặc nhấp **Duyệt qua** để tìm tập tin âm thanh có trong máy tính của bạn. Bạn có thể nhấn nút mũi tên để nghe âm thanh được chọn.

Dùng Chuyển văn bản sang giọng nói

Khi có một hoặc nhiều sự kiện được chọn, hãy chọn và gõ văn bản tùy chọn của bạn. Tiện ích **Chuyển văn bản sang giọng nói** của Microsoft đọc văn bản bạn đã nhập và phát lại ở giọng nói. Bạn có thể nhấn nút mũi tên để nghe văn bản được chọn.

Biểu tượng màn hình trạng thái

Khi kích hoạt màn hình trạng thái, bạn có thể nhấp chuột phải vào biểu tượng **Màn hình trạng thái** trong khay hệ thống cho các tùy chọn sau:

Ấn KYOCERA Client Tool / Hiện thị KYOCERA Client Tool

Ấn hoặc hiện thị hộp thoại **KYOCERA Client Tool**.

www.kyoceradocumentsolutions.com

Mở trình duyệt web ở trang chủ KYOCERA Document Solutions.

Thoát

Đóng **KYOCERA Client Tool** và gỡ biểu tượng **Màn hình trạng thái** khỏi khay hệ thống.

Đặt trước



Tiện ích **Cài đặt trước** cho phép bạn dễ dàng quản lý các cài đặt được cấu hình trước (Cài đặt đặt trước) được lưu trên thiết bị. Có thể lưu tới ba cấu hình của cài đặt đặt trước cho mỗi tính năng hộp sao chép, quét, fax hoặc in. Khi đã được lưu, có thể dùng Cài đặt trước trên thiết bị bằng cách bấm nút **Chương trình** phù hợp. Tính năng này có sẵn cho các mẫu MFP.

Lập trình Hộp cài đặt trước Sao chép, Quét, Fax hoặc In

- 1 Trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**, hãy chọn **Thiết bị > Đặt trước**.
- 2 Chọn tab cho loại cài đặt trước bạn muốn điều chỉnh: Hộp **Sao chép**, **Scan**, **FAX**, hoặc **Hộp in**.
- 3 Bấm nút **Chương trình** ở bên trái và chọn số Cài đặt trước để cấu hình. Các cài đặt hiện nay có liên quan đến số được Cài đặt trước được liệt kê trong hộp **Tóm tắt**.
- 4 Chỉnh sửa cài đặt trong tab như mong muốn.
- 5 Nhấp **Lưu** để lưu các cài đặt cho số được cài đặt trước.
- 6 Nhấp **Đóng** để thoát hộp thoại.

Ghi chú: **FAX** chỉ có sẵn ở một số mẫu nhất định.

Tab Sao chép

Trên tab này bạn có thể thực hiện cài đặt có thể áp dụng vào tính năng sao chép của thiết bị, và lưu các cài đặt này là cài đặt trước. Bấm **Cài đặt lại** để thay đổi cài đặt về mặc định, hoặc bấm **Lưu** để lưu bất kỳ cài đặt được thay đổi nào về cài đặt trước. Bấm **Đóng** khi hoàn thành.

Kích cỡ gốc

Kích cỡ của tài liệu gốc được đặt trên trục cuộn.

Ảnh gốc

Ảnh là văn bản, ảnh hoặc kết hợp văn bản và ảnh.

Độ phân giải

Độ phân giải cho ảnh được quét.

Số bản sao

Số lượng bản sao

Sắp xếp

Sắp xếp nhiều bản sao.

Hướng giấy gốc

Tài liệu gốc được đặt trên trục cuộn như thế nào.

Thu phóng

Độ phóng to áp dụng cho ảnh được quét.

Độ đậm

Độ đậm của ảnh được quét.

EcoPrint

Tính năng tạo hình thay đổi độ bão hòa mực trong trang in, làm cho toàn bộ hình ảnh in, bao gồm cả văn bản và đồ họa, sáng hơn.

In hai mặt

Một trong hai mặt được dùng để in, và lật ở phần cạnh nào của trang.

Kết hợp

Một hoặc nhiều trang được in trên một trang. Có sẵn các tùy chọn Bốn trang hoặc Hai trang.

Bố cục

Trật tự trang khi in nhiều trang trên một trang.

Tab Quét

Trên tab này bạn có thể thực hiện cài đặt có thể áp dụng vào tính năng scan của thiết bị, và lưu các cài đặt này là cài đặt trước. Bấm **Cài đặt lại** để thay đổi cài đặt về mặc định, hoặc bấm **Lưu** để lưu bất kỳ cài đặt được thay đổi nào về cài đặt trước. Bấm **Đóng** khi hoàn thành.

Tên

Tên đặt trước hiển thị trong bảng hoạt động.

Kích cỡ gốc

Kích cỡ của tài liệu gốc trên trục cuộn.

Ảnh gốc

Ảnh là văn bản, ảnh hoặc kết hợp văn bản và ảnh.

Đảo ảnh

Màu hoặc mực của ảnh được đảo lại.

Làm sắc nét

Độ sắc nét cho ảnh được quét.

Quét màu

Ảnh được quét trong chế độ Đầy màu, Dải màu xám và Đơn sắc.

Độ đậm

Độ đậm của ảnh được quét.

Độ phân giải

Độ phân giải cho ảnh được quét.

Tên đầu ra

Tên tập tin sẽ dùng khi lưu các ảnh đã quét. Một số tăng dần được thêm vào tên tập tin này cho mỗi ảnh.

Định dạng tập tin

Định dạng tập tin cho mỗi tập tin ảnh được quét.

Chất lượng

Chất lượng của tệp ảnh được quét, khi JPEG được chọn là định dạng tệp.

Thư mục đích

Địa điểm của máy tính lưu các tệp ảnh được quét. Bấm **Duyệt** để chọn.

Tab FAX

TBạn có thể thực hiện cài đặt có thể áp dụng vào tính năng FAX của thiết bị, và lưu các cài đặt này là cài đặt trước. Bấm **Cài đặt lại** để thay đổi cài đặt về mặc định, hoặc bấm **Lưu** để lưu bất kỳ cài đặt được thay đổi nào về cài đặt trước. Bấm **Đóng** khi hoàn thành.

Kích cỡ gốc

Kích cỡ của tài liệu gốc được đặt trên trục cuộn.

Ảnh gốc

Loại tài liệu được quét: văn bản, ảnh hoặc kết hợp văn bản và ảnh.

Độ đậm

Độ đậm của ảnh được quét.

Độ phân giải

Độ phân giải cho ảnh được quét.

Thêm số FAX

- 1 Bấm **Mới** để thêm số FAX vào danh sách trên tab **FAX**.
- 2 Bấm **Chọn từ Sổ địa chỉ** để thêm một số FAX từ sổ địa chỉ. Chọn một mục nào từ danh sách và bấm **OK**.

Bạn có thể nhập tên và số FAX trực tiếp, và thay đổi cài đặt mặc định.

Số FAX

Số điện thoại của máy FAX đích.

Tốc độ khởi động TX

Tốc độ khởi động truyền cho mỗi số FAX.

ECM

Giá trị ECM cho mỗi số FAX.

- 3 Bấm **OK** khi hoàn thành, hoặc **Hủy** để hủy hộp thoại không áp dụng thay đổi nào.

Tab Hộp In

Trên tab này bạn có thể thực hiện cài đặt có thể áp dụng vào tính năng Hộp In của thiết bị, và lưu các cài đặt này là cài đặt trước. Bấm **Cài đặt lại** để thay đổi cài đặt về mặc định, hoặc bấm **Lưu** để lưu bất kỳ cài đặt được thay đổi nào về cài đặt trước. Bấm **Đóng** khi hoàn thành.

Tên

Tên hiển thị trong bảng hoạt động khi chọn cài đặt trước.

Kết nối

Kết nối có thể là Mạng hoặc Cục bộ.

Địa chỉ IP

Địa chỉ IP của máy tính.

Thư mục đích

Thư mục Hộp In trong máy tính. Bấm **Duyệt** để chọn.

Tài liệu



Nhấp **Tài liệu** từ tab **Thiết bị** để mở hướng dẫn người dùng cho kiểu máy được chọn.

Khởi động lại thiết bị



Nhấp biểu tượng **Khởi động lại thiết bị** để khởi động lại thiết bị. Nhấp **OK** để xác nhận.

Mặc định xuất xưởng



Nhấp biểu tượng **Mặc định xuất xưởng** để làm cho toàn bộ các thuộc tính thiết bị của kiểu máy được chọn trở về cài đặt mặc định. Nhấp **OK** để xác nhận. Điều này cũng tương tự **Phục hồi Mặc định Xuất xưởng** trong **Trình đơn Bảo trì** được truy cập từ tab **Bảo trì**.

Scan



Tab **Scan** cho phép bạn chọn các tùy chọn cho Scan Nhanh và trình điều khiển máy scan TWAIN. Bạn cũng có thể lưu hình ảnh đã scan vào tệp PDF, e-mail hoặc thư mục. Tính năng này có sẵn cho các mẫu MFP.

Tùy chọn



Thay đổi các cài đặt scan **TWAIN**. Cài đặt này chỉ có hiệu lực cho **Scan Nhanh**.

Để xem trợ giúp trong trình điều khiển TWAIN, nhấn **F1** trên bàn phím hoặc nhấp vào biểu tượng dấu hỏi chấm ở góc trên bên phải và nhấp lại vào hộp thoại.

Cài đặt scan nhanh



Tiện ích này làm cho các nhiệm vụ quét đơn giản trở nên dễ dàng và thuận tiện. Bạn có thể quét một tài liệu, lưu tài liệu đó vào một thư mục, gửi tài liệu đó như là đính kèm email hoặc chuyển sang tài liệu PDF.

Đặt Tùy chọn Quét Nhanh

- 1** Trong hộp thoại chính, hãy chọn **Quét** > cài đặt **Quét nhanh**. Hộp thoại **Cài đặt Quét nhanh** xuất hiện.
- 2** Trên tab **Quét nhanh**, hãy đặt các giá trị cho các cài đặt khác nhau như mong muốn.
- 3** Nhấp **Áp**, sau đó **OK** để lưu cài đặt mới.

Thực hiện Quét nhanh

- 1 Trên máy trạm, hãy chọn **Quét**, sau đó chọn loại quét.
- 2 Nhấp **Quét ra PDF**, **Quét ra Email**, hoặc **Quét ra Thư mục**. Tài liệu trên thiết bị sẽ được quét.
- 3 Đối với **Quét ra PDF**, sẽ xuất hiện một hộp thoại lưu tập tin vào máy tính. Hãy điều hướng đến vị trí lưu tập tin, rồi nhập tên tập tin và nhấp **Lưu**. Tài liệu đã quét được lưu là một tập tin PDF.
- 4 Đối với **Quét ra Email**, một cửa sổ email sẽ mở ra có đính kèm tài liệu đã quét. Hãy gõ chủ đề, phần nội dung chính của thư, sau đó chọn người nhận và nhấp **Gửi**.
- 5 Đối với **Quét ra Thư mục**, sẽ xuất hiện một hộp thoại để chọn một thư mục. Hãy chọn thư mục đích và nhấp **OK**.

Scan ra PDF



Nhấp vào biểu tượng **Scan ra PDF** để scan hình ảnh và lưu chúng ở tập tin PDF, sử dụng các cài đặt đã chọn trong tiện ích **Scan Nhanh**. Duyệt để tìm vị trí mong muốn, sau đó đặt tên và lưu tập tin PDF.

Scan ra E-mail



Nhấp vào biểu tượng **Scan ra E-mail** để scan hình ảnh, sử dụng các cài đặt đã chọn trong tiện ích **Scan nhanh** và đính kèm vào e-mail trong ứng dụng e-mail của bạn.

Scan ra Thư mục



Nhấp vào biểu tượng **Scan ra Thư mục** để scan hình ảnh và lưu hình ảnh vào thư mục, sử dụng các cài đặt đã chọn trong tiện ích **Scan Nhanh**. Chọn định dạng hình ảnh, duyệt để tìm vị trí thư mục mong muốn, sau đó đặt tên và lưu tập tin hình ảnh.

FAX

Tab **FAX** cho phép bạn chọn các tùy chọn cho trình điều khiển FAX và danh bạ địa chỉ. Tính năng này có sẵn cho các mẫu MFP.

Tùy chọn



Mở tùy chọn trình điều khiển **FAX** cho thiết bị được chọn, để chọn trang FAX và tùy chọn gửi.

Để xem trợ giúp trong trình điều khiển FAX, nhấn **F1** trên bàn phím hoặc nhấp vào biểu tượng dấu hỏi chấm ở góc trên bên phải và nhấp lại vào hộp thoại.

Thuộc tính



Mở trang **Thuộc tính FAX** cho thiết bị đã chọn để xem thông tin thiết bị của Windows.

Để xem trợ giúp trong thuộc tính FAX, nhấn **F1** trên bàn phím hoặc nhấp vào biểu tượng dấu hỏi chấm ở góc trên bên phải và nhấp lại vào hộp thoại.

Sổ Địa chỉ



Mở **Tiện ích Sổ Địa chỉ FAX**, để duy trì danh bạ địa chỉ trên máy và thiết bị để sử dụng với trình điều khiển FAX. Bạn có thể tạo sổ địa chỉ và lưu mục nhập sổ địa chỉ.

Thêm người liên hệ

- 1** Trong hộp thoại chính, hãy nhấp **Tải từ thiết bị**. Bạn cũng có thể chọn bấm **Mở** để tải tệp sổ địa chỉ từ máy tính. Nội dung trong sổ địa chỉ của thiết bị được chọn xuất hiện trong danh sách này.
- 2** Nhấp **Thêm**. Trong vùng **Người liên hệ**, hãy nhập **Tên**, **Số FAX**, **Công ty**, và **Bộ phận**. Hãy thay đổi lựa chọn **Tốc độ giao tiếp FAX** và **ECM** nếu cần thiết.
- 3** Nhấp **Lưu**. Thông tin xuất hiện trong danh sách với biểu tượng **Người liên hệ** trong cột **Loại**.
- 4** Trong thanh công cụ, hãy bấm **Lưu vào thiết bị**. Thông tin của sổ địa chỉ được viết ra thiết bị được chọn.
- 5** Trong thanh công cụ, bạn có thể bấm **Lưu** hoặc **Lưu là** để lưu bản sao chép tệp tin sổ địa chỉ vào máy tính. Có thể sử dụng tệp tin này với các thiết bị khác.

Chỉnh sửa hoặc Xóa người liên hệ

- 1** Trong hộp thoại chính, hãy nhấp **Tải từ thiết bị**. Bạn cũng có thể chọn bấm **Mở** để tải tệp sổ địa chỉ từ máy tính. Nội dung trong sổ địa chỉ của thiết bị được chọn xuất hiện trong danh sách này.
- 2** Hãy chọn một người liên hệ trong sổ địa chỉ bằng cách nhấp mũi tên trong danh sách.
- 3** Hãy nhấp **Chỉnh sửa** để chỉnh sửa người liên hệ được chọn.
- 4** Hãy nhấp **Xóa** để xóa người liên hệ được chọn.
- 5** Nhấp **Xóa trùng lặp** để xóa bất kỳ mục trùng lặp nào.

- 6** Sau khi thực hiện thay đổi, hãy nhấp **Lưu** để áp những thay đổi này vào danh sách.
- 7** Trong thanh công cụ, hãy bấm **Lưu vào thiết bị**. Thông tin của sổ địa chỉ được viết tới thiết bị được chọn.
- 8** Trong thanh công cụ, bạn có thể bấm **Lưu** hoặc **Lưu là** để lưu bản sao chép tập tin sổ địa chỉ vào máy tính. Có thể sử dụng tập tin này với các thiết bị khác.

Thêm Nhóm

Bạn có thể tổ chức người liên hệ thành các nhóm. Phải mở một sổ địa chỉ hoặc phải tải sổ địa chỉ từ một thiết bị từ trước.

- 1** Trong hộp thoại chính, nhấp **Thêm nhóm**.
- 2** Nhập **Tên nhóm**.
- 3** Chọn người liên hệ để thêm vào nhóm từ danh sách **Toàn bộ người liên hệ**.
- 4** Nhấp **>>** để thêm một người liên hệ vào danh sách **Người liên hệ đã chọn**. Để xóa một người liên hệ khỏi một nhóm, hãy chọn người liên hệ trong **Người liên hệ đã chọn**, và bấm **<<** để xóa.
- 5** Nhấp **OK** để lưu danh sách.

Chỉnh Sửa Nhóm

Bạn có thể thêm hoặc xóa người liên hệ khỏi nhóm hiện tại, hoặc thay đổi tên nhóm.

- 1** Trong hộp thoại chính, nhấp **Chỉnh sửa nhóm**.
- 2** Trong hộp thoại **Chỉnh sửa Mục nhập Nhóm**, để thêm một người liên hệ vào một nhóm, hãy chọn người liên hệ trong **Toàn bộ người liên hệ**, và bấm **>>** để thêm người liên hệ vào danh sách **Người liên hệ đã chọn**. Để xóa một người liên hệ khỏi một nhóm, hãy chọn người liên hệ trong **Người liên hệ đã chọn**, và bấm **<<** để xóa.
- 3** Bạn có thể chỉnh sửa tên trong trường **Tên nhóm**.
- 4** Nhấp **OK** để lưu các thay đổi vào danh sách.

Sao Chép Một Sổ Địa Chỉ Vào Một Thiết Bị Khác

- 1** Trong hộp thoại chính, hãy nhấp **Tải từ thiết bị**. Nội dung trong sổ địa chỉ của thiết bị được chọn xuất hiện trong danh sách này.
- 2** Hãy nhấp **Lưu** hoặc **Lưu là** để lưu bản sao chép tập tin sổ địa chỉ vào máy tính.
- 3** Sao chép tập tin .FDT từ máy tính cục bộ vào một máy tính được kết nối với thiết bị đích.

- 4 Khởi chạy **Tiện ích Sổ địa chỉ Fax** trên máy tính được kết nối với thiết bị đích.
- 5 Nhấp **Mở** để mở tập tin sổ địa chỉ (.FDT).
- 6 Nhấp **Lưu đến thiết bị** để tải tập tin sổ địa chỉ vào thiết bị MFP.

Các số bị chặn

Có thể thêm các số FAX nhất định vào danh sách **Các số bị chặn** để ngăn chặn việc nhận FAX từ các thiết bị có các số đó được đặt là số gửi FAX. Để ngăn nhận fax từ các máy FAX không có số FAX được đặt, hãy chọn **Chặn toàn bộ các số không xác định**.

Chặn số FAX

- 1 Trong hộp thoại chính, hãy nhấp **Các số Bị chặn**. Nếu xuất hiện hộp thoại chọn thiết bị đích, hãy chọn thiết bị.
- 2 Nhấp **Tải từ thiết bị** để tải danh sách các số bị chặn từ sổ địa chỉ của thiết bị được chọn.
- 3 Chọn **Cho phép chặn số**.
- 4 Gõ số FAX vào hộp **Số FAX**.
- 5 Nhấp **Thêm** để thêm số FAX vào danh sách **Các số bị chặn**.
- 6 Nhấp **Lưu ra thiết bị** để cập nhật danh sách **Các số bị chặn**.
- 7 Nhấp **Đóng** để đóng hộp thoại.

Bảo trì

Tab **Bảo trì** cho phép bạn mở KYOCERA Net Viewer, đặt mục thay thế, xem trang web KYOCERA Document Solutions và tải xuống trình điều khiển máy in. Các lựa chọn có thể thay đổi tùy theo kiểu máy hệ thống in.



Trình đơn Bảo trì

Trình đơn Bảo trì cho phép bạn giảm nhu cầu gọi bảo trì. Bạn có thể điều chỉnh các tính năng như chất lượng in, vị trí in, vị trí scan và phục hồi các cài đặt mặc định lúc xuất xưởng. Hãy tham khảo phần mô tả xuất hiện trong hộp thoại **Trình đơn Bảo trì**.

Gói bảo trì được cung cấp bởi nhà sản xuất thiết bị. Gói bảo trì có cài đặt thiết bị giới hạn được bao gồm khi bạn cài đặt KYOCERA Client Tool.

Tùy chọn Bảo trì

Các tính năng bảo trì sau hiện có trong KYOCERA Client Tool:

Điều chỉnh chất lượng in

Tính năng này bao gồm các quy trình nâng cao chất lượng sản phẩm in.

Cài đặt sọc trống

Nhập hoặc chọn điện áp sọc chính của thiết bị trống, từ 1 đến 7. Cài đặt giá trị này càng cao thì làm cho sản phẩm in càng đậm. Cài đặt giá trị này càng thấp thì làm cho sản phẩm in càng nhạt.

Cài đặt độ cao

Chọn độ cao của địa điểm:

0: 0 đến 1500 mét (0 đến 4921 feet)

1: 1500 đến 2500 mét (4921 đến 8202 feet)

2: 2500 mét (8202 feet) trở lên

Làm mới Trống

Nhấp **Làm mới** để làm sạch thiết bị trống nếu sản phẩm in bị mờ hoặc có chấm ở những nơi thông tin bị mất. Sau khi làm mới trống hoàn thành, bạn nên trải sạch con cuộn chuyển lô in bằng tay.

Điều chỉnh vị trí in

Tính năng này điều chỉnh vị trí bắt đầu (trên cùng và bên trái) cho sản phẩm in.

In một mặt

Nhập hoặc chọn vị trí bắt đầu lề trên cùng và bên trái cho in một mặt, từ -10 đến +10 mm.

In hai mặt

Nhập hoặc chọn vị trí bắt đầu lề trên cùng và bên trái cho in hai mặt, từ -10 đến +10 mm.

Lề in

Nhập hoặc chọn lề mong muốn của tất cả các cạnh, từ 0 đến 10 mm. Cài đặt này chỉ áp dụng cho các tính năng FAX và sao chép, không áp dụng cho tính năng in khi lề thường được cài đặt từ bên trong ứng dụng.

Điều chỉnh vị trí scan

Tính năng này điều chỉnh vị trí bắt đầu scan và lề scan của đầu vào scan.

Vị trí bắt đầu scan

Nhập hoặc chọn vị trí bắt đầu cho trục cuộn ép từ -10 đến +1 mm. Nhập hoặc chọn vị trí bắt đầu cho bộ xử lý tài liệu, từ -3 đến +10 mm.

Lề scan

Nhập hoặc chọn lề scan của tất cả các cạnh cho trục cuộn ép và bộ xử lý tài liệu, từ 0 đến 10 mm.

Khôi phục mặc định xuất xưởng

Tính năng này khôi phục thiết bị về các cài đặt mặc định xuất xưởng. Điều này cũng tương tự như **Mặc định khi Xuất xưởng** trong tab **Thiết bị**.

Đặt lại thiết bị

Nhấn nút này để khôi phục cài đặt mặc định, sau đó nhấp **OK**.

Tài gói

Nút **Tài gói** cho phép bạn duyệt gói bảo trì (.MTP). Gói này cung cấp các chức năng bảo trì bạn có thể điều chỉnh.

Thực hiện các quy trình bảo trì

Bạn có thể thực hiện bảo trì thường xuyên trên thiết bị in.

- 1 Trong hộp thoại **KYOCERA Client Tool**, hãy chọn một thiết bị từ danh sách.
- 2 Nhấp **Bảo trì > Trình đơn bảo trì**.
- 3 Trong hộp thoại **Trình đơn bảo trì**, nhấp **Tài gói**, sau đó duyệt để tìm tập tin gói của người dùng (.MTP). Nếu yêu cầu mật khẩu, hãy nhập mật khẩu.
- 4 Chọn một mục trong danh sách mỗi lần và chọn cài đặt mong muốn cho mỗi tính năng.
- 5 Bạn có thể nhấp **Hủy** để quay lại chế độ xem trước hoặc để chọn một quy trình bảo trì khác.
- 6 Khi đã chọn toàn bộ các cài đặt, hãy nhấp **Áp dụng** để hoàn thành.



KYOCERA Net Viewer

Mở KYOCERA Net Viewer nếu phần mềm này được cài đặt trên hệ thống của bạn. Phần mềm KYOCERA Net Viewer cho phép bạn tổ chức và theo dõi thông tin thiết bị mạng.

Để xem trợ giúp trong KYOCERA Net Viewer, hãy nhấp **Trợ giúp > Trợ giúp KYOCERA Net Viewer** hoặc nhấn **F1** trên bàn phím.



Đặt mục

Bạn có thể đặt mục thay thế bằng e-mail hoặc trên web. Nhấp vào biểu tượng **Đặt mục** cho các tùy chọn sau:

Gửi email

Nhập địa chỉ email rồi nhấp **OK** để mở chương trình email mặc định.

Mở trang web

Nhập địa chỉ web rồi nhấp **OK** để mở trang web trong trình duyệt web mặc định.



Kyocera trực tuyến

Mở trình duyệt web ở trang chủ KYOCERA Document Solutions.



Tải xuống trình điều khiển

Nhấp để mở trang tải xuống của trang web KYOCERA Document Solutions. Bạn có thể tải xuống trình điều khiển máy in và tìm người bán được ủy quyền.

Trạng thái thiết bị

Hiển thị hình ảnh 3D của thiết bị và trạng thái hiện tại của nó. Bạn có thể nhấp biểu tượng Làm mới để làm mới lại hình ảnh và thông tin trạng thái.

Tab nguồn cung cấp

Tab **Nguồn cung cấp** hiển thị mức mực hiện tại. Các tùy chọn trạng thái là:

OK

Mức mực hiện tại cao hơn mức phần trăm mực được đặt trong **Cấu hình > Màn hình trạng thái**.

Lưu ý

Mức mực hiện tại thấp hơn mức phần trăm mực được đặt trong **Cấu hình > Màn hình trạng thái**.

Tab tổng quan thiết bị

Tab **Tổng quan Thiết bị** hiển thị các chi tiết và cài đặt hiện tại cho thiết bị in.

Cài đặt thiết bị

Hiển thị cài đặt tính năng của thiết bị như ngôn ngữ thanh hoạt động và tạo hết thời gian nạp.

Chi tiết thiết bị

Hiển thị thông tin về thiết bị như tên mẫu, số sêri và phiên bản phần mềm cố định.

Giới thiệu về

Nhấp logo Kyocera ở đáy hộp thoại KYOCERA Client Tool để mở hộp thoại **Giới thiệu về** hiển thị phiên bản phần mềm.

